TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23-5-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phi Long

2. Ông Trần Văn Nước

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- ***Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa***: Ông Trương Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Th, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1974 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Dương Thị Th đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn B tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã L. Sau khi kết hôn bà và ông B

chung sống đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ công việc của gia đình và quan điểm sống. Từ đó bà và ông B sống ly thân đến nay. Hiện tại, bà không còn tình cảm gì với ông B. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

- Về con: Bà và ông Nguyễn Văn B có con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Ly, sinh ngày 12/10/2001 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 30/11/2008. Bà đồng ý cho ông Nguyễn Văn B được quyền trực tiếp nuôi con chưa thành niên là Nguyễn Quốc T.

- Về tài sản và nợ chung: Bà và ông B không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31/3/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Ông và vợ là bà Dương Thị Th trong thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn. Vợ chồng ông đã ly thân. Tuy nhiên vì ông còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về con: Ông và bà Dương Thị Th có con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Ly, sinh ngày 12/10/2001 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 30/11/2008. Nếu vợ chồng ly hôn thì ông yêu cầu nuôi con, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Ông và bà Th không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 31/3/2023, cháu Nguyễn Quốc T trình bày ý kiến cháu có ngyện vọng được sống với cha là ông Nguyễn Văn B.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Th.

+ Về con chung: Kiểm sát viên đề nghị giao con chung là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 30/11/2008 cho ông Nguyễn Văn B nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ông B không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà Th và ông B không có yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Th và ông B khai không có nợ chung nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn bà Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Dương Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn B và yêu cầu giải quyết việc nuôi con giữa bà Th và ông B. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn B có hộ khẩu thường trú tại ấp Giồng Ổi, xã Long Toàn, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn B.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Th và ông Nguyễn Văn B tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 02/01/2008 tại UBND xã Long Toàn theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà Th và ông B là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà Th trong thời gian chung sống, giữa bà và ông B có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống. Kết quả xác minh của Tòa án thể hiện không rõ là giữa bà Th và ông B có mâu thuẫn gì nhưng thực tế là ông B và bà Th đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện để bà Th và ông B đoàn tụ

tiếp tục chung sống nhưng bà Th vẫn cương quyết ly hôn ông B. Còn ông B không đến Tòa án dự phiên họp hòa giải. Tại phiên toà, bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng muốn được hạnh phúc là phải cùng yêu thương nhau, cùng chung sống và cùng mong muốn xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th một mực cương quyết yêu cầu ly hôn ông B vì cho rằng không còn tình cảm với ông B và không muốn tiếp tục chung sống với ông B. Điều này cho thấy khả năng để bà Th và ôngB đoàn tụ để chung sống là rất khó thực hiện được. Bà Th và ôngB hiện tại đang sống ly thân. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Th như đề nghị của vị Kiểm sát viên.

[5] Về nuôi con: Bà Dương Thị Th và ông Nguyễn Văn B có con chung chưa thành niên là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 30/11/2008. Sau khi xem hết các điều kiện nuôi con của ông B và ý kiến của bà Th, Hội đồng xét xử thấy giao cháu T cho ông Nguyễn Văn B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục là đúng quy định pháp luật, phù hợp nguyện vọng của cháu T, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn B là người được giao nuôi con chung nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Bà Th và ông B không có yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ: Bà Th và ôngB khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Th không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí hoặc không phải nộp án phí. Vì vậy, bà Th là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Th. Bà Dương Thị Th được ly hôn ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 30/11/2008 cho ông Nguyễn Văn B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của con.

Không ai được quyền cản trở ông Nguyễn Văn B trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc T, cũng như cản trở bà Dương Thị Th thăm con chung.

Vì lợi ích của cháu Nguyễn Quốc T, khi cần thiết và có yêu cầu của bà Dương Thị Th hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án sẽ xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nếu bà Dương Thị Th lạm dụng việc thăm con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì ông Nguyễn Văn B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nôm con của bà Dương Thị Th theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn B có quyền yêu cầu bà Dương Thị Th cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quốc T theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Bà Dương Thị Th và ông Nguyễn Văn B không có yêu cầu chia tài sản chung nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, nếu bà Dương Thị Th và ông Nguyễn Văn B có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân thì bà Th hoặc ông B có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ: Bà Dương Thị Th và ông Nguyễn Văn B khai không có nợ chung nên không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bà Dương Thị Th chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0011319 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà Dương Thị Th đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Nguyên đơn bà Dương Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Văn B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tấn Thanh